

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2018/DS-PT
Ngày 15-01-2018
Về tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thiêm

Bà Vũ Thị Thu Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 12 và 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2017/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017 về “tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2402/2017/QĐPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Bà Vũ Thị C, cư trú tại thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Cảnh: Bà Đặng Thị Minh L và bà Đỗ Phương T; trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng, có mặt.

+ Bà Vũ Thị Th, cư trú tại số nhà 22 tổ 14 phường D, quận Đ, thành phố Hải Phòng, có mặt.

+ Ông Vũ Văn H, cư trú tại số 27 tổ 4 Vọng Hải, phường D, quận Đ, thành phố Hải Phòng, có mặt.

+ Bà Vũ Thị H, cư trú tại thôn E, xã F, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn Th, cư trú tại thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị L, cư trú tại thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng, có mặt.

+ Ông Vũ Văn T, cư trú tại thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng, có mặt.

+ Anh Vũ Mạnh D, cư trú tại thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Người kháng cáo:*

+ Bà Vũ Thị C, cư trú tại thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng, có mặt.

+ Bà Vũ Thị Th, cư trú tại số nhà 22 tổ 14 phường D, quận Đ, thành phố Hải Phòng, có mặt.

+ Ông Vũ Văn H, cư trú tại số 27 tổ 4 Vọng Hải, phường D, quận Đ, thành phố Hải Phòng, có mặt.

+ Bà Vũ Thị H, cư trú tại thôn E, xã F, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2017 và ngày 02/3/2017, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Cảnh cùng các nguyên đơn thống nhất trình bày:

Bố, mẹ của các nguyên đơn là cụ Vũ Văn Thoảng (mất ngày 28/6/1998) và cụ Nguyễn Thị Thuận (mất ngày 24/10/2015). Hai cụ mất không để lại di chúc. Hai cụ sinh được 06 người con: Bà Vũ Thị Th, bà Vũ Thị C, ông Vũ Văn Th, ông Vũ Văn T, ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị H, không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Khi còn sống, cụ Thoảng và cụ Thuận tạo lập được khối tài sản gồm: 01 nhà ba gian có diện tích 30m², một bể nước ăn khoảng 10m³, một bếp khoảng 15m², một sân bê tông khoảng 20m² trên diện tích 764m² thuộc thửa số 423, tờ bản đồ số 1 tại thôn A, xã B, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

Trước năm 1998, hai cụ cho vợ chồng ông Vũ Văn Th làm nhà ở trên diện tích 284m² từ đó đến nay, diện tích đất còn lại là 455m² hiện vợ chồng ông Thỏa đang tự ý chiếm giữ, quản lý sử dụng.

Tại đơn khởi kiện, các nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật gồm: Diện tích đất 764m² cùng tài sản trên thửa đất số 423, tờ bản đồ 01.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 21/8/2017, nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu chia thừa kế như sau: Diện tích thửa đất số 423 tờ bản đồ 01, sau khi khảo sát để định giá thì diện tích thực tế là 739m². Xét thấy, ông Thỏa và bà Loan đã xây dựng nhà ở và một số công trình sinh hoạt trên diện tích đất 284m² nên nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất còn lại là 455m² cùng tài sản trên đất gồm 01 bể nước, 01 bếp, 01 sân và 01 nhà cấp 4 cho 05 anh chị em là bà Cảnh, bà Thoáng, ông Hòa, bà Hoàn và ông Tiếp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung: Hủy Hợp đồng tặng cho giữa cụ Thuận với vợ chồng ông Thỏa vì Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất chỉ là bản photo. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ngày 24/11/2010 không có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình tố tụng, ông Vũ Văn Th trình bày:

Ông Thỏa nhất trí với lời trình bày của các nguyên đơn về nguồn gốc thửa đất 423, ranh giới, mốc giới thửa đất và về những người con của cụ Thoáng, cụ Thuận. Nhưng hiện nay ông quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất 423 là do ông được bố mẹ cho. Cụ thể: Trước khi cụ Thoáng mất năm 1998, vợ chồng ông đã được bố mẹ cho khoảng hơn 200m² đất trong tổng diện tích tại thửa 423 để làm nhà ở riêng. Đến khi bố mất, không để lại di chúc thì trên thửa đất chỉ còn cụ Thuận cùng vợ chồng ông sống, quản lý, sử dụng và cũng từ sau khi bố mất, ông là người nộp thuế toàn bộ diện tích thửa đất theo quy định Nhà nước (trước đây ông đã nộp phần diện tích hơn 200m² được bố mẹ cho làm nhà ở). Ngày 05/02/2005, cụ Thuận đã gọi các chị là bà Thoáng, bà Cảnh, ông Thỏa và các bác chú trong họ đến thống nhất để lại toàn bộ diện tích thửa đất cho vợ chồng ông toàn quyền quản lý, sử dụng và ông có trách nhiệm đưa cho ông Hòa, ông Tiếp mỗi người 1.500.000đ, là tiền thêm vào cho ông Hòa và ông Tiếp ăn ở chỗ khác. Số tiền này mẹ ông là người cầm và đưa lại cho ông Tiếp và ông Hòa. Ngày 23/02/2005 cụ Thuận đã lập văn bản ủy quyền thừa kế cho ông được toàn quyền sử dụng thửa đất 423 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B nhưng đến ngày 24/11/2010 cụ Thuận đã có đơn xin hủy bỏ đơn chuyển quyền thừa kế đất cho vợ chồng ông và cùng ngày cụ lập văn bản: Đơn xin tặng cho quyền sử dụng đất ở cho ông được sử dụng và sở hữu thửa đất 423 cùng tài sản gắn liền với đất và lập Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất tại thửa 423 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B. Nay bà Thoáng, bà Cảnh, ông Hòa, bà Hoàn có đơn khởi kiện

tranh chấp thửa đất 423 hiện đang do vợ chồng ông quản lý sử dụng là không có căn cứ vì:

Thửa đất 423, khi bố ông còn sống đã nói với mọi người là sau này cho lại vợ chồng ông (trước đó hai cụ đã cho vợ chồng ông hơn 200m²). Từ sau khi bố ông mất, vợ chồng ông cùng cụ Thuận là người quản lý sử dụng. Năm 2010, cụ Thuận đã làm văn bản tặng cho vợ chồng ông toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa 423. Cũng từ khi cụ Thoảng mất, ông là người nộp thuế sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Khi xảy ra tranh chấp, gia đình đã họp và ý kiến của vợ chồng ông cũng như ý kiến ông Tiếp là vợ chồng ông sẽ để ra khoảng 200m² để làm nơi thờ cúng bố mẹ, tổ tiên. Diện tích đất này nằm gần giữa thửa đất, trên diện tích đất này là đất trồng. Nếu bà Thoảng, bà Cảnh, ông Hòa, bà Hoàn không đồng ý, ông yêu cầu Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật giải quyết. Các con của vợ chồng ông không tham gia đóng góp công sức hay kinh tế cho vợ chồng ông để tu tạo, xây dựng, bảo quản nhà, đất tại thửa 423. Mọi vấn đề liên quan đến nhà+đất tại thửa 423 đều do vợ chồng ông bỏ công sức giữ gìn và kinh tế để tôn tạo khối tài sản này, cây cối trên đất đều do vợ chồng ông trồng.

Bà Vũ Thị Th trình bày: Chữ ký tại biên bản họp ngày 05/02/2005 là đúng chữ ký của bà, nội dung họp thì bà không dự nhưng cụ Thuận có lần gọi bà về nói nhà+đất này để cho vợ chồng ông Thỏa ở và bảo bà ký vào 1 bản giấy tờ. Bà không để ý là giấy tờ gì vì mẹ nói cho ông Thỏa toàn bộ nhà, đất và bảo bà đồng ý thì ký vào tờ giấy này. Bà nghĩ nhà, đất là của mẹ (lúc này mẹ đang minh mẫn), còn bà là phận gái đã đi lấy chồng ở nơi khác nên mọi việc mẹ quyết định như thế nào thì bà cũng đồng ý, nên đã ký. Việc mẹ có đưa cho ông Hòa, ông Tiếp mỗi người 1,5 triệu đồng hay không, đưa vì lý do gì, tiền ở đâu đưa thì bà không biết việc này vì phận là gái đã đi lấy chồng không để ý nên khi cụ Thuận nói như trên, bà đã ký vào biên bản.

Bà Cảnh trình bày bổ sung: Bà không ký vào biên bản ngày 05/02/2005, chữ ký trong biên bản không phải chữ ký của bà.

Ông Hòa trình bày bổ sung: Ông không được cụ Thuận đưa 1.500.000đ như trong biên bản ngày 05/02/2005 ghi.

- *Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ *Ý kiến của bà Loan (vợ ông Thỏa):* Sau khi bà và ông Thỏa lấy nhau có được bố mẹ chồng cho hơn 200m² đất nằm trên thửa đất 423 để làm nhà ở, sinh hoạt riêng. Trước khi cụ Thoảng mất đã có tâm nguyện cho vợ chồng bà toàn bộ diện tích đất tại thửa 423. Sau khi cụ Thoảng mất vợ chồng bà là người nuôi dưỡng chăm sóc cụ Thuận. Toàn bộ tài sản khi cụ Thoảng mất đi để lại là nhà+đất tại thửa 423 do vợ chồng bà và cụ Thuận quản lý, sử dụng. Vợ chồng bà là người nộp thuế sử dụng

toàn bộ thửa đất này. Thực hiện theo ý nguyện của cụ Thoảng khi còn sống nên cụ Thuận đã lập hợp đồng và đơn xin cho tặng vợ chồng bà toàn bộ diện tích đất+nhà tại thửa 423 được Ủy ban nhân dân xã B xác nhận. Tháng 7/1998 vợ chồng bà có đưa cho cụ Thuận 3.000.000đ để thêm cho ông Tiếp, ông Hòa làm nhà nơi khác nhưng đến năm 2005 mới lập văn bản trước sự chứng kiến của chú bác trong họ và bà Thoảng, bà Cảnh. Quá trình sử dụng thửa đất đến nay, gia đình bà sinh sống ổn định không tranh chấp, không lấn chiếm đất với các hộ liền kề và ngược lại.

Nay bà Thoảng, bà Cảnh, ông Hòa, bà Hoàn khởi kiện chia thừa kế là 455m² đất tại thửa 423, bà Loan không đồng ý vì:

Cụ Thuận khi còn sống đã có văn bản thừa kế, tặng cho vợ chồng bà toàn bộ diện tích thửa đất 423 được Ủy ban nhân dân xã xác nhận. Nay vợ chồng bà đồng ý tách ra khoảng 200m² đất có chiều rộng 5m chạy dài 20m, có vị trí nằm gần giữa thửa đất để làm nơi thờ cúng bố mẹ, tổ tiên. Nơi thờ cúng này là nơi chung cho 6 anh chị em chồng đi lại không thuộc quyền quản lý của riêng ai.

Nếu ông Hòa, bà Thoảng, bà Cảnh, bà Hoàn không đồng ý vẫn yêu cầu chia thì vợ chồng bà sẽ hỗ trợ cho mỗi người 15.000.000đ và vợ chồng bà sẽ quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất 423; nếu không ai nhất trí với hai cách trên thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

+ Ý kiến của ông Vũ Văn T:

Bố mẹ ông sinh được 06 người con gồm: Bà Thoảng, bà Cảnh, ông Thỏa, ông, ông Hòa và bà Hoàn. Hai cụ không có con nuôi, con riêng. Khi còn sống bố mẹ tạo lập được khối tài sản là nhà+đất tại thửa 423 thôn A, xã B. Trên thửa đất có nhà ba gian khoảng 50 đến 60m² là nơi bố mẹ và mấy anh chị em ăn, ở. Khi lớn lên, các anh chị em lập gia đình riêng và ra ngoài ở không ở cùng bố mẹ trên thửa đất này. Ông Thỏa sau một thời gian ra ngoài đã quay về ở cùng bố mẹ, khi về được bố mẹ cho 1/3 trên tổng diện tích đất, trên thửa đất 423 để làm nhà ở riêng. Ông Thỏa và gia đình ăn ở ổn định đến năm 2015 sau khi mẹ mất thì mới xảy ra tranh chấp. Khi bố mẹ mất đi không để lại di chúc. Ông chỉ nghe ông Thỏa nói là khi mẹ tôi mất có giấy để lại đất cho ông Thỏa nhưng chưa được nhìn thấy. Nay ông Hòa, bà Thoảng, bà Cảnh, bà Hoàn có đơn khởi kiện chia thừa kế là nhà+đất tại thửa 423, ông Tiếp có quan điểm:

Vợ chồng ông Thỏa đã được bố mẹ cho hơn 200m² đất làm nhà ở ổn định từ trước năm 1998, nên ông nhất trí với ý kiến của ông Hòa, bà Thoảng, bà Cảnh, bà Hoàn không yêu cầu chia phần diện tích đất này. Phần diện tích đất còn lại hơn 400m², ông đã có ý kiến với các anh chị em là để cho vợ chồng ông Thỏa tiếp tục quản lý sử dụng riêng hơn 200m² nữa còn lại hơn 200m² thì không chia cho ai mà để làm nơi thờ cúng bố mẹ, tổ tiên và phần diện tích đất này không thuộc quyền quản lý của riêng ai, không ai được bán hay xây nhà trên diện tích đất này. Nếu các anh chị em thống nhất được như vậy là tốt nhất còn không thống nhất được thì Tòa án căn

cứ vào lời khai của ông và quy định pháp luật để giải quyết, quyền lợi của ông đối với di sản của bố mẹ được như thế nào, ông xin nhận như thế. Khi cụ Thuận còn sống đã cho ông và ông Hòa mỗi người 1.500.000đ tại nhà ông, để thêm vào làm, sửa chữa nhà cửa, vì lúc này ông và ông Hòa đã tự lập và làm nhà chỗ khác.

+ Ý kiến của anh Vũ Mạnh D (con trai ông Thỏa):

Hiện tại anh đang ở cùng bố mẹ là ông Vũ Văn Th và bà Nguyễn Thị L tại thửa đất 423. Ngày 27/02/2017 bố mẹ anh bỏ tiền ra xây 1 căn nhà 1 tầng với diện tích khoảng 36m² nhà lợp tôn mạ màu đóng trần nhựa; trước nhà có sân khoảng 23m² lợp mái tôn mạ màu khoảng 25m² để cho anh ở riêng. Đây là nhà bố mẹ anh bỏ tiền ra xây, mọi việc liên quan đến đất và xây nhà đều do bố mẹ anh làm, anh không biết và không tham gia. Nay các chị, em của bố anh khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thừa đất 423 trên đất có nhà bố mẹ anh mới xây cho anh ở nhờ, anh có ý kiến sau:

Mọi vấn đề liên quan đến nhà+đất tại thửa 423 là tài sản của bố mẹ anh. Anh không có đóng góp gì nên không liên quan đến việc tranh chấp này, yêu cầu Tòa án không đưa anh vào tham gia tố tụng.

Tại Bản án sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, Hải Phòng đã quyết định:

Chấp nhận việc các nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn Thoảng và cụ Vũ Thị Thuận là 284m² đất. Còn lại diện tích 455m² và vật kiến trúc trên đất tại thửa đất 423 tờ bản đồ số 1 tại thôn A, xã B, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng để chia thừa kế theo pháp luật.

Giao quyền sở hữu vật kiến trúc và quyền sử dụng 739m² đất (trong đó có 455m² đất được chia thừa kế theo luật) tại thửa 423 tờ bản đồ số 01, vị trí thửa đất tại thôn A, xã B, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng cho vợ chồng ông Vũ Văn Th quản lý, sử dụng (có trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo) và vợ chồng ông Thỏa phải có trách nhiệm thanh toán số tiền cho bà Vũ Thị Th, bà Vũ Thị C, bà Vũ Thị H, ông Vũ Văn H, ông Vũ Văn T mỗi người là 19.678.811đ (mười chín triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm mười một đồng).

Để tránh những phát sinh tranh chấp sau này đối với diện tích đất+vật kiến trúc trên đất tại thửa 423; ông Thỏa cùng vợ là bà Loan có trách nhiệm đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai làm thủ tục theo quyết định của Bản án và theo quy định pháp luật

Ngoài ra Bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2017, bà Cảnh, bà Thoảng, ông Hòa, bà Hoàn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu:

Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do cụ Thuận lập ngày 24/11/2010 và chia di sản thừa kế diện tích đất 739m² của cụ Thoảng và cụ Thuận cho 06 người con.

Sau khi có đơn kháng cáo, tại bản tự khai ngày 15/10/2017, ông Hòa và bà Thoảng cùng khai: Diện tích đất 284m² đã được ông Thỏa xây dựng nhà ở, 05 anh chị em đã thống nhất là cho vợ chồng ông Thỏa. Diện tích đất còn lại được chia cho bà Cảnh, bà Thoảng, ông Hòa, bà Hoàn được ở gần nhau, chia phần ông Tiếp ở riêng.

Tại đơn xin chỉnh sửa ngày 20/10/2017, bà Cảnh, bà Thoảng, ông Hòa, bà Hoàn trình bày: Diện tích đất 284m² được coi là một suất thừa kế vì bố mất năm 1988, năm 2005 ông Thỏa tự ý xây nhà trên thửa đất 423 có tổng diện tích 739m², chứ không phải xây từ trước năm 1998.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà Cảnh, bà Thoảng, ông Hòa, bà Hoàn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền lợi cho bà Cảnh trình bày quan điểm bảo vệ:

Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử sơ thẩm không khách quan khi đánh giá chứng cứ, cụ thể:

Về tố tụng:

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có bổ sung yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và đã được Hội đồng xét xử nhận định trong Bản án là không vượt quá phạm vi khởi kiện nhưng lại không xem xét giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử không đưa Ủy ban nhân dân xã B là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án khi nguyên đơn có yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B.

Trong hồ sơ có hai bản kết luận định giá tài sản với hai mức giá khác nhau và không được Hội đồng định giá biểu quyết theo quy định.

Vợ chồng ông Thỏa có 04 người con cùng ở chung thửa đất mà các nguyên đơn đang yêu cầu chia thừa kế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định anh Dương là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án mà không xác định 03 người con còn lại của vợ chồng ông Thỏa tham gia tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn khi nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế 455m² đất nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định giao 739m² đất cho vợ chồng ông Thỏa quản lý, sử dụng.

Khi nguyên đơn yêu cầu phân di sản được chia của 04 nguyên đơn vào chung một thửa nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ghi nhận sai ý kiến của nguyên đơn khi nguyên đơn yêu cầu chia bằng hiện vật và Bản án lại quyết định chia bằng tiền.

Về án phí: Bà Cảnh là người khuyết tật được miễn án phí nhưng Hội đồng xét xử lại quyết định bà Cảnh phải chịu án phí là không đúng quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về nội dung:

Về đơn xin tặng cho quyền sử dụng đất ở lập ngày 24/11/2010 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 1 Điều 66 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ nên thửa đất 423 không đủ điều kiện tặng cho.

Việc chứng thực hợp đồng: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lập ngày 24/11/2010. Tuy nhiên, ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện Kiến Thụy thực hiện việc chứng thực lại là ngày 18/11/2010. Như vậy là không đúng với quy định tại Điều 10 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000. Mặt khác, trong sổ chứng thực không thể hiện việc cụ Thuận chứng thực Hợp đồng tặng cho mà chỉ chứng thực đơn xin tặng cho quyền sử dụng đất. Việc cụ Thuận lập Hợp đồng tặng cho ngày 24/11/2010, toàn bộ quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Thỏa bà Loan mà không được sự đồng ý của những người thừa kế khác là không phù hợp theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1 Điều 676 của Bộ luật Dân sự 2005. Hợp đồng tặng cho trên là giả mạo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm.

Những người kháng cáo đều thống nhất trình bày:

Yêu cầu chia đều tài sản thừa kế 739m² đất cho 06 người con. Còn nếu chia 455m² đất thì chỉ cho 05 người, không chia cho ông Thỏa vì ông Thỏa đang sử dụng 284m² được coi là một suất thừa kế. Phần di sản được hưởng của bà Cảnh, bà Thoáng, ông Họa và bà Hoàn được ở gần nhau, phần của ai người ấy hưởng nhưng chung vào một mảnh để làm chung một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung cho cả 04 người.

Trên diện tích đất 455m², vợ chồng ông Thỏa có xây dựng một nhà cấp 4 trong thời gian đang xảy ra tranh chấp cho anh Dương ra đó ở. Trên diện tích đất 284m² vợ chồng ông Thỏa ở cùng với ba người con nữa, không liên quan đến diện tích đất 455m² đang yêu cầu chia thừa kế.

Bị đơn, bà Loan, anh Dương có cùng quan điểm bảo vệ:

Hợp đồng tặng cho hoàn toàn hợp pháp, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B nên người bảo vệ cho bà Cảnh cho rằng Hợp đồng tặng cho giả mạo là không có căn cứ. Vợ chồng ông Thỏa được bố mẹ cho 284m² đất từ năm 1993, nhưng đến tháng 02/1998 bắt đầu xây một nhà cấp 4 trên diện tích đất này. Đến tháng 05/1998 cụ Thoảng mới chết và sau khi cụ Thuận chết thì vợ chồng ông Thỏa mới xây nhà kiên cố như hiện nay. Vợ chồng ông Thỏa hiện đang ở cùng 03 người con trên diện tích đất 284m². Trên diện tích đất 455m² đang tranh chấp vào tháng 02/2017, ông Thỏa có xây dựng một nhà cấp 4. Ngôi nhà này là của vợ chồng ông Thỏa và anh Dương hiện đang ở tại ngôi nhà này, anh Dương không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản này.

Anh Dương yêu cầu không xác định anh là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì anh không có liên quan đến tài sản đang tranh chấp, ngôi nhà hiện nay anh đang ở là của bố mẹ anh, anh không có công sức đóng góp hay bảo quản di sản.

Ông Vũ Văn T trình bày quan điểm bảo vệ:

Vợ chồng ông Thỏa xây dựng nhà ở trên diện tích đất 284m² từ thời gian nào ông không nhớ. Nhưng lúc xây là bố mẹ còn sống và phải được bố mẹ đồng ý cho xây thì vợ chồng ông Thỏa mới được xây. Phần đất này vợ chồng ông Thỏa đã ở ổn định nên là của vợ chồng ông Thỏa. Đối với phần diện tích đất 455m² mà các nguyên đơn đang yêu cầu chỉ chia 05 người là không được vì ông Thỏa cũng là con của bố mẹ nên vẫn phải được hưởng như nhau. Vợ chồng ông Thỏa có xây một nhà cấp 4 trên diện tích 455m² đang tranh chấp và anh Dương đang ở ngôi nhà này. Còn 03 người con nữa của vợ chồng ông Thỏa đang ở cùng ông Thỏa tại phần diện tích đất 284m².

Phần thừa kế của ông Tiếp đến đâu, ông nhận đến đó và thực tế là sau khi có Bản án sơ thẩm ông đã nhận tiền từ vợ chồng ông Thỏa nên ông không ý kiến gì khác về yêu cầu này.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét các yêu cầu của nguyên đơn về hủy Hợp đồng tặng cho ngày 24/11/2010 và chia di sản thừa kế cho 05 người con:

Tại đơn yêu cầu của các đương sự yêu cầu chia thừa kế tài sản theo pháp luật là 739m² và tài sản gắn liền với đất. Tuy nhiên tại đơn thay đổi phạm vi khởi kiện, các nguyên đơn chỉ yêu cầu chia 455m² đất ở và tài sản gắn liền với đất cho 05 người gồm các nguyên đơn và ông Tiếp. Do đó, Tòa án chỉ xem xét chia thừa kế đối với quyền sử dụng 455m² đất và tài sản gắn liền với đất là phù hợp.

Căn cứ Hợp đồng tặng cho, đơn xin tặng cho do Văn phòng đăng ký QSDĐ cung cấp và Sổ theo dõi chứng thực của Ủy ban nhân dân xã B đều thể hiện ngày 24/11/2010 cụ Thuận đã lập văn bản tặng cho vợ chồng ông Thỏa. Phù hợp với tài liệu trước đó là Biên bản bàn giao thừa kế lập ngày 05/02/2005; Giấy ủy quyền thừa kế lập ngày 23/02/2005 (được đăng ký chứng thực ngày 18/4/2007). Thể hiện việc tặng cho tài sản của cụ Thuận đối với vợ chồng ông Thỏa là hoàn toàn tự nguyện, thể hiện rõ ý nguyện trong một thời gian dài, phù hợp pháp luật về điều kiện có hiệu lực của giao dịch, hình thức hợp đồng và quy định về Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo Điều 122, 401, 722, 723 của Bộ luật Dân sự năm 2005, do đó cần được tôn trọng và chấp nhận.

Diện tích đất 455m² và tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của vợ chồng cụ Thoảng và cụ Thuận. Tuy nhiên cụ Thuận đã ký Hợp đồng tặng cho toàn bộ diện tích đất cho vợ chồng ông Thỏa khi không có ý kiến của các đồng thừa kế khác là vượt quá quyền định đoạt trong khối tài sản chung. Cụ Thuận chỉ có quyền định đoạt phần tài sản của mình trong khối tài sản chung của vợ chồng. Như vậy, Hợp đồng tặng cho ngày 24/11/2010 vô hiệu một phần theo quy định tại Điều 130 của Bộ luật Dân sự. Phần tài sản mà cụ Thuận được hưởng trong khối tài sản chung và phần tài sản được thừa kế của cụ Thoảng thì cụ Thuận có quyền tặng cho, không bị coi là vô hiệu.

Diện tích đất 284m² vợ chồng ông Thỏa đã được cụ Thoảng và cụ Thuận cho trước khi chết, không nằm trong di sản thừa kế của hai cụ. Phần tài sản còn lại của hai cụ trước khi chết là diện tích đất 455m² và tài sản trên đất (trị giá 48.392.580đ). Như vậy, ông Thỏa là hàng thừa kế thứ nhất, có quyền ngang nhau với 05 anh chị em còn lại. Các nguyên đơn yêu cầu chia di sản cho 05 người là không có căn cứ.

Tài sản của cụ Thuận cho vợ chồng ông Thỏa là 227,5m² (455m²/2) đất ở và trị giá tài sản trên đất là 24.196.290 đồng (48.392.580đ/2).

Phần di sản của cụ Thoảng được chia thừa kế như sau:

Đối với đất ở là $227,5 \text{ m}^2 / 8 = 28,44 \text{ m}^2$, mỗi định xuất thừa kế được hưởng 28,44m²

Đối với phần giá trị tài sản trên đất là $24.196.290 \text{ đồng} / 8 = 3.024.536 \text{ đồng}$, mỗi định xuất thừa kế được hưởng tương đương 3.024.536 đồng.

Do ông vợ chồng ông Thỏa được cụ Thuận tặng cho theo Hợp đồng ngày 24/11/2010 và xác định được hưởng công gìn giữ tôn tạo tương đương 01 định xuất thừa kế nên ông Thỏa được hưởng 03 định xuất thừa kế, tương đương 85,32m² đất ở và trị giá tài sản 9.073.608 đồng trong phần di sản của cụ Thoảng để lại.

Từ việc phân chia di sản thừa kế như trên, phần tài sản của mỗi đương sự được nhận trong khối tài sản chung của cụ Thoảng và cụ Thuận để lại được xác định như sau:

Bà Thoảng, bà Cảnh, bà Hoàn, ông Hòa, ông Tiếp mỗi người được hưởng 28,44m² đất ở và 3.024.536 giá trị tài sản trên đất.

Ông Thỏa và vợ được hưởng 85,32m² đất ở và trị giá tài sản 9.073.608 đồng (lưu ý ở đây vợ ông Thỏa không được hưởng phần ông Thỏa được hưởng trong di sản thừa kế của cụ Thoảng).

Như vậy, việc nhận định đánh giá và phân chia di sản thừa kế theo Bản án sơ thẩm là có căn cứ, kháng cáo của đồng nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc Tòa án giao tài sản bằng giá trị, do các đương sự là đồng nguyên đơn và người liên quan không thống nhất được việc giao tài sản thừa kế cho 01 người quản lý, mà xác định phần của ai người đó hưởng, tại phiên tòa sơ thẩm bà Hoàn, ông Hòa không có mặt để thống nhất lời trình bày. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Quyết định 1349/2015/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định về diện tích tối thiểu để tách thửa thì diện tích mỗi đương sự được hưởng không đủ để tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng, vì vậy đã quyết định giao cho nguyên đơn và người liên quan được hưởng phần di sản thừa kế bằng giá trị là có căn cứ.

Đối với trình bày bổ sung của người bảo vệ quyền lợi bà Cảnh xác định bà bị khuyết tật, tại cấp phúc thẩm căn cứ vào tài liệu là Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện về trợ cấp cho người khuyết tật do nguyên đơn xuất trình và đề nghị tại phiên tòa nên cần vận dụng để xem xét miễn án phí sơ thẩm cho bà Cảnh.

Về việc thiếu người tham gia tố tụng, đối với con ông Thỏa, các đương sự xác định các con ông Thỏa (ngoài anh Dương) sinh sống trên diện tích 284m², các đương sự không khởi kiện, do đó xác định không có quyền lợi liên quan đến tài sản tranh chấp đối với diện tích 455m². Đối với Ủy ban nhân dân xã B, việc xác định Hợp đồng tặng cho là phù hợp pháp luật, không có căn cứ hủy Hợp đồng nên không cần thiết đưa vào tham gia tố tụng.

Việc việc có 02 biên bản định giá cùng ngày, do tại biên bản định giá Hội đồng định giá gửi Tòa án ngày 24/8/2017 có thiếu sót một số hạng mục, nên Hội đồng định giá đã kịp thời bổ sung và gửi lại kết luận định giá cho Tòa án ngày 31/8/2017 là đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, không có sự mâu thuẫn về giá trị tài sản nên xác định kết luận định giá được bổ sung là khách quan, là căn cứ để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của các nguyên đơn là bà Vũ Thị C, bà Vũ Thị Th, ông Vũ Văn H, bà Vũ Thị H.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm 03/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy về việc xác định lại phần công sức gìn giữ tôn tạo cho vợ chồng ông Thỏa và miễn án phí cho bà Cảnh như phân tích trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về thừa kế tài sản, thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Anh Vũ Mạnh D yêu cầu Tòa án không xác định anh là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì anh không liên quan đến việc chia thừa kế. Ngôi nhà hiện anh đang là của bố mẹ mà không có công sức đóng góp gì. Lời trình bày của anh Dương phù hợp với lời trình bày của ông Thỏa bà Loan. Do vậy, anh Dương không là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[3] Xét các nội dung kháng cáo:

3.1. Về xác định người tham gia tố tụng, thủ tục tố tụng và nội dung khởi kiện:

Các đương sự đều thừa nhận vợ chồng ông Thỏa có 04 người con nhưng chỉ có anh Dương đang ở trên phần diện tích đất 455m² mà các nguyên đơn có yêu cầu chia thừa kế. Đối với ba người con còn lại của vợ chồng ông Thỏa hiện đang ở cùng ông Thỏa trên phần diện tích đất 284m² không liên quan đến phần diện tích đất 455m². Diện tích đất 284m² đất các nguyên đơn đã rút yêu cầu chia thừa kế nên Tòa án cấp sơ thẩm không xác định ba người con này của vợ chồng ông Thỏa là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng, không vi phạm thủ tục tố tụng.

Về yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 24/11/2010 của các nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm cũng đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm xem xét, đánh giá và nhận định trong Bản án như sau: “Việc các nguyên đơn không thừa nhận cụ Thuận lập Hợp đồng tặng cho phần diện tích đất của cụ cũng như Kiểm sát viên có ý kiến việc cụ Thuận lập Hợp đồng tặng cho vợ chồng ông Thỏa toàn bộ diện tích đất tại thửa 423 là chưa có cơ sở”.

Hợp đồng tặng cho lập ngày 24/11/2010 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Kiến Thụy không bị Tòa án cấp sơ thẩm hủy do vậy không xác định

Ủy ban nhân dân xã B là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không vi phạm thủ tục tố tụng.

Đối với 02 Bản kết luận định giá tài sản ngày 22/8/2017, có thể hiện hai mức giá khác nhau nhưng Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy đã có thông báo về kết quả định giá bổ sung số 69/TB-TA ngày 31/8/2017 gửi cho các đương sự. Sau khi nhận được văn bản này, các đương sự không khiếu nại về giá. Và tại 02 Bản kết luận định giá tài sản ngày 22/8/2017 đã được Hội đồng định giá tài sản biểu quyết 100% giá trị tài sản tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục thành lập Hội đồng định giá, định giá tài sản theo quy định tại Điều 104 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Như vậy, ý kiến của người bảo vệ cho bà Cảnh cho rằng Bản kết luận định giá tài sản ngày 22/8/2017 không được Hội đồng định giá biểu quyết về giá là không có căn cứ.

3.2. Về kháng cáo cho rằng Hội đồng xét xử sơ thẩm giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện khi nguyên đơn chỉ yêu cầu chia 455m² nhưng Hội đồng xét xử tuyên giao toàn bộ 739m² đất cho vợ chồng ông Thỏa quản lý, sử dụng:

Mặc dù các nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 455m² nhưng các nguyên đơn đều thống nhất trình bày diện tích đất 284m² hiện vợ chồng ông Thỏa đang sử dụng ổn định nên được coi là một suất thừa kế cho ông Thỏa. Diện tích đất 284m² và 455m² cùng trong một thửa 423. Do vậy, để thuận lợi cho việc quản lý thửa đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định giao quyền sử dụng 739m² đất (trong đó có 455m² đất được chia theo pháp luật) tại thửa 423 cho vợ chồng ông Thỏa là không vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

3.3. Về hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do cụ Thuận lập ngày 24/11/2010 đối với vợ chồng ông Thỏa:

Ngày 24/11/2010, cụ Thuận làm văn bản tặng cho toàn bộ diện tích đất tại thửa 423 và tài sản trên đất cho ông Thỏa, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B là thực hiện đúng quy định tại Điều 467 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Mặc dù tại thời điểm lập văn bản tặng cho, thửa đất 423 của vợ chồng cụ Thuận chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân xã B đã xác nhận toàn bộ diện tích đất tại thửa 423 của hai cụ được thể hiện tại sổ mục kê năm 1980, không có tranh chấp, không trong diện quy hoạch, giải tỏa, không lấn chiếm sang phần đất của các hộ liền kề. Theo quy định tại Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất của cụ Thoảng và cụ Thuận có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 20/3/2007 ông Thỏa đã có hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Xét việc tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa cụ Thuận và ông Thỏa là thể hiện ý chí tự nguyện của cụ Thuận, không vi phạm Điều 410 của Bộ luật dân

sự năm 2005 nên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 24/11/2011 hợp pháp về hình thức và nội dung. Tuy nhiên vì đây là tài sản chung của vợ chồng nên cụ Thuận chỉ có quyền định đoạt $\frac{1}{2}$ tài sản của cụ, không có quyền định đoạt $\frac{1}{2}$ tài sản của cụ Thoảng. Vì vậy, Hợp đồng tặng cho được lập ngày 24/11/2010 bị vô hiệu một phần. Yêu cầu hủy toàn bộ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của cụ Thuận đối với vợ chồng ông Thỏa lập ngày 24/11/2010 của các nguyên đơn không có căn cứ.

3.2. Về yêu cầu chia tài sản thừa kế:

Trước khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành tiếp cận, kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải: Ngày 21/8/2017, các nguyên đơn có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia 284m² đất nằm trong diện tích 739m² tại thửa 423, tờ bản đồ 01 hiện vợ chồng ông Thỏa đã sử dụng ổn định, chỉ yêu cầu yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế còn lại là 455m² đất cùng các tài sản khác trên đất. Tại Biên bản hòa giải ngày 31/8/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu chia tài sản thừa kế là 455m² đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định trong Bản án và quyết định đình chỉ một phần yêu cầu của các nguyên đơn trong phần Quyết định Bản án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với diện tích đất 455m², nguyên đơn yêu cầu chia cho bà Cảnh, bà Thoảng, bà Hoàn, ông Hòa và ông Tiếp, vì ông Thỏa đang sử dụng diện tích đất 284m² và được coi đây là một suất thừa kế, thấy rằng:

Các đương sự đều thừa nhận cụ Thoảng và cụ Thuận sinh được 06 người con gồm: Bà Thoảng, bà Cảnh, ông Thỏa, ông Tiếp, ông Hòa, bà Hoàn ngoài ra không có con nuôi hay con riêng khác.

Cụ Thoảng chết năm 1998 nên những người được hưởng thừa kế của cụ Thoảng tại thời điểm này gồm cụ Thuận, bà Thoảng, bà Cảnh, ông Thỏa, ông Tiếp, ông Hòa, bà Hoàn.

Cụ Thuận chết ngày 24/10/2015, người được hưởng di sản của cụ Thuận là bà Thoảng, bà Cảnh, ông Thỏa, ông Tiếp, ông Hòa, bà Hoàn.

Đối với diện tích đất 284m² trên tổng diện tích đất 739m² hiện nay vợ chồng ông Thỏa đang sử dụng đều được các nguyên đơn xác nhận vợ chồng ông Thỏa đã xây nhà ở ổn định trên diện tích đất này nên không yêu cầu chia. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/9/2017, bà Thoảng khai: “Còn diện tích hơn 200m² ông Thỏa và vợ đã được bố mẹ tôi cho ở từ trước năm 1998 (khi bố tôi chưa chết), ông Thỏa đã xây nhà ở ổn định nên chúng tôi chỉ yêu cầu phần đất hơn 400m² cho tôi và các nguyên đơn khác”. Tại phiên hòa giải ngày 31/8/2017, các nguyên đơn đều trình bày: “Diện tích 284m² còn lại anh Thỏa đã xây nhà từ trước năm 1998, đang ăn ở ổn định”. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/9/2017, ông Hòa trình bày: “Còn 284m² anh Thỏa đã xây nhà khi bố mẹ tôi còn sống chúng tôi không có ý kiến gì vì quyền

quyết định do bố mẹ tôi, chúng tôi thống nhất để lại cho vợ chồng ông Thỏa sử dụng, không yêu cầu chia. Việc ông Thỏa xây nhà chỉ có bố mẹ tôi biết, quyết định và vợ chồng ông Thỏa không thể tự ý xây nhà kiên cố như vậy”. “Ông Hòa yêu cầu chia phần đất còn lại làm 05 phần bằng nhau và quyền lợi của ai người đó hưởng, không dồn vào để một người quản lý làm nơi thờ cúng. Phần của ông Hòa được hưởng đến đâu, sẽ nhận đến đấy, đây là quyền lợi của ông”. Và khi người bảo vệ cho bà Cảnh hỏi ông Hòa: Ông có thống nhất giao cho ai hay giao cho một người quản lý không? Ông Hòa đã trả lời: “ Không ai quản lý mà cả bốn chúng tôi cùng nhau quản lý vì bốn chúng tôi đều có quyền hưởng như nhau”, ý ông là gộp chung vào một mảnh và quyền sở hữu chung của bốn người.

Bà Hoàn cũng trình bày: “Diện tích đất 455m² chia đều cho ông Tiếp và các nguyên đơn, phần của ai người ấy quản lý. Diện tích 284m² vợ chồng ông Thỏa bà Loan đã xây dựng nhà ở từ nhiều năm nay khi các cụ còn sống, tôi và các chị em trong nhà không yêu cầu chia phần này nữa”. Bà Cảnh cũng trình bày: “Vợ chồng ông Thỏa đã được cho làm nhà và ở rồi thì chúng tôi không đòi hỏi, vì phong tục ở quê con cái xây dựng gia đình đều ra ở riêng, tôi đồng ý với ý kiến của ông Hòa, phần của các nguyên chia chung vào một mảnh nhưng phần ai người ấy hưởng. Diện tích đất 284m² bố mẹ đã cho ông Thỏa là quyền của bố mẹ”.

Như vậy, tại phiên tòa sơ thẩm, bà Thoảng vắng mặt; bà Cảnh, bà Hoàn, ông Hòa có yêu cầu chia chung diện tích đất cho các nguyên đơn vào một mảnh, không thỏa thuận giao cho một người quản lý diện tích đất được thừa kế nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã nhận định các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giao cho một người quản lý di sản thừa kế để làm thủ tục với Cơ quan Nhà nước về quản lý đất là phản ánh đúng ý chí của các nguyên đơn. Do đó, người bảo vệ cho bà Cảnh cho rằng Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi nhận sai ý kiến và quan điểm của nguyên đơn là không có căn cứ.

Như vậy, về tài sản chung là diện tích đất còn lại của cụ Thoảng và cụ Thuận là 455m². Tài sản của mỗi cụ là 455m²: 2 = 227,5m².

Việc các nguyên đơn yêu cầu chia đều 455m² đất và tài sản trên đất cho 05 người gồm các nguyên đơn và ông Tiếp chỉ có căn cứ chấp nhận một phần. Vì trong diện tích 455m² đất này cụ Thuận đã có văn bản tặng cho vợ chồng ông Thỏa 227,5m² đất và một phần trong số diện tích đất của cụ Thoảng chết đi để lại. Nguyên đơn kháng cáo cho rằng 284m² đất vợ chồng ông Thỏa đã xây nhà và ở ổn định nên được tính là một suất thừa kế nay không được hưởng tiếp di sản của hai cụ là không đúng pháp luật.

Phần di sản của cụ Thuận đã tặng cho vợ chồng ông Thỏa nên di sản thừa kế được xem xét để chia là phần tài sản của cụ Thoảng để lại sau khi chết là diện tích đất 227,5m².

Cụ Thoảng không để lại di chúc nên phần di sản thừa kế của cụ Thoảng là 227,5m² đất sẽ được chia theo pháp luật. Vào thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế thứ nhất đối với di sản của Thoảng gồm: Cụ Thuận, bà Thoảng, bà Cảnh, ông Thỏ, ông Tiếp, ông Họa, bà Hoàn. Sau khi cụ Thoảng chết, vợ chồng ông Thỏ chung sống cùng cụ Thuận và đã có công lao trong việc bảo vệ di sản, bảo vệ đất và làm nghĩa vụ với Nhà nước từ năm 1999 đến nay nên các đồng thừa kế khác có nghĩa vụ trả công bảo quản di sản cho vợ chồng ông Thỏ. Xét công sức và điều kiện thực tế, các đồng thừa kế có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Thỏ một suất thừa kế theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 618 của Bộ luật Dân sự.

Diện tích đất 227,5m² được chia thừa kế làm 08 phần cho cụ Thuận, bà Thoảng, bà Cảnh, ông Thỏ, ông Tiếp, ông Họa, bà Hoàn và một suất thừa kế được trả cho vợ chồng ông Thỏ công sức bảo quản di sản là : $227,5\text{m}^2 : 8 = 28,4375\text{m}^2$.

Tổng tài sản của cụ Thuận sẽ là: $227,5\text{m}^2 + 28,4375\text{m}^2 = 255,9375\text{m}^2$.

Phần di sản ông Thỏ được hưởng là:

$$255,9375\text{m}^2 + (28,4375\text{m}^2 \times 2) = 284,375\text{m}^2.$$

Về vật kiến trúc trên đất: Tổng giá trị vật kiến trúc theo yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn đối với tài sản của vợ chồng cụ Thoảng là 48.392.580đ.

Cụ Thoảng và cụ Thuận mỗi người có 24.196.290đ. Phần của cụ Thuận đã tặng cho vợ chồng ông Thỏ.

Phần di sản của cụ Thoảng được chia làm 08 phần, trong đó có một phần để trả công bảo quản di sản cho vợ chồng ông Thỏ là:

$$24.196.290 \text{ đồng} : 8 = 3.024.536 \text{ đồng/người}.$$

Tổng tiền di sản là vật kiến trúc của cụ Thuận là:

$$24.196.290 \text{ đồng} + 3.024.536 \text{ đồng} = 27.220.826 \text{ đồng}.$$

Phần di sản là vật kiến trúc, ông Thỏ được hưởng là:

$$27.220.826 \text{ đồng} + (3.024.536 \text{ đồng} \times 2) = 33.269.898 \text{ đồng}.$$

Nguyên đơn yêu cầu phần di sản được hưởng của bà Cảnh, bà Thoảng, ông Họa và bà Hoàn chung vào một mảnh liền nhau để được cấp chung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 04 người nhưng vẫn là phần di sản của ai người đó hưởng, không thỏa thuận trao cho một người đại diện. Yêu cầu của các nguyên đơn không phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 98 của Luật Đất đai, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Quyết định 1394/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 25/6/2015 về việc ban hành quy định về hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân và diện tích tách thửa đất ở vì mỗi đồng

thừa kế chỉ được hưởng di sản thừa kế là 28,4375m², không đủ điều kiện để được làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm các nguyên đơn có yêu cầu nếu không được chấp nhận yêu cầu chia 455m² đất cho 05 người thì các nguyên đơn yêu cầu chia 739m² đất cho 06 người đều nhau và có nội dung kháng cáo cho rằng diện tích đất 284m² vợ chồng Thỏa xây dựng từ năm 2005 sau khi cụ Thoảng chết chứ không phải xây từ năm 1998. Tuy nhiên, như nhận định phần trên, tại cấp sơ thẩm các nguyên đơn đã rút yêu cầu này. Đối với phần diện tích đất này, bị đơn có lời khai đã được bố mẹ cho từ năm 1993, đến tháng 02/1998 bắt đầu xây nhà cấp 4 và đến tháng 05/1998 bỏ mất, năm 2005 vợ chồng bị đơn xây nhà kiên cố như hiện nay. Lời khai của ông Tiếp cũng xác nhận vợ chồng ông Thỏa xây nhà từ khi bố mẹ còn sống trên diện tích đất 284m², và đây là phần đất riêng của vợ chồng ông Thỏa. Lời khai của ông Tiếp phù hợp với lời khai của bà Thoảng tại Biên bản ghi lời khai ngày 21/9/2017, phù hợp với lời khai của ông Họa tại phiên tòa sơ thẩm. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định diện tích đất 284m² vợ chồng ông Thỏa đang quản lý sử dụng đã được cụ Thoảng và cụ Thuận cho từ trước khi cụ Thoảng chết. Do vậy, yêu cầu chia toàn bộ diện tích 739m² đất tại thửa 423 trong đó có 284m² đất hiện vợ chồng ông Thỏa đang quản lý, sử dụng của các nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận, vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

Xét thấy, các nguyên đơn và ông Tiếp đều có nhà ở riêng biệt. Vợ chồng ông Thỏa vẫn ở trên thửa đất này từ trước năm 1998 đến nay. Do diện tích đất được hưởng thừa kế của các nguyên đơn và ông Tiếp không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên yêu cầu được nhận thừa kế di sản bằng hiện vật là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, cần giao diện tích đất mà các đồng thừa kế khác được hưởng khi chia thừa kế cho vợ chồng ông Thỏa quản lý, sử dụng và vợ chồng ông Thỏa có trách nhiệm thanh toán bằng tiền tương đương với giá trị tài sản cho các đồng thừa kế khác. Ông Thỏa sẽ được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất 455m² và diện tích đất 284m² hiện vợ chồng ông đang quản lý sử dụng tại thửa 423 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất này.

Ông Thỏa phải thanh toán cho bà Cảnh, bà Thoảng, ông Họa, bà Hoàn và ông Tiếp giá trị tài sản được hưởng của mỗi người như sau:

Về diện tích đất: $28,4375\text{m}^2 \times 600.000\text{đ} = 17.062.500$ đồng/người.

Về vật kiến trúc: 3.024.536 đồng/người.

Tổng số tiền ông Thỏa phải trả cho bà Cảnh, bà Thoảng, ông Họa, bà Hoàn và ông Tiếp, mỗi người là 20.087.036 đồng.

Do tài sản thừa kế của cụ Thoảng và cụ Thuận được chia theo giá trị nên đối với các loại cây do ông Thỏa trồng trên đất trước đây và nhà ở, bếp + sân có bán mái + lối đi có tấm đan bê tông mới xây năm 2017, Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các nhận định trên, xét thấy nội dung kháng cáo của các nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên Bản án sơ thẩm đã tính chưa chính xác phần di sản thừa kế được hưởng của các đồng thừa kế nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại Bản án sơ thẩm về cách phân chia di sản thừa kế.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do phần di sản thừa kế được tính lại nên án phí dân sự sơ thẩm được sửa lại.

Về việc tính án phí đối với bà Vũ Thị C: Mặc dù tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án quy định trường hợp được miễn án phí là người khuyết tật. Tuy nhiên bà Cảnh là đối tượng người tàn tật được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo Quyết định số 562/QĐ - UBND ngày 22/4/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy nên bà Cảnh miễn được miễn tiền án phí dân sự.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị C và những người người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 148; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 130, 610, 623, 650, 651 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 410, 465, 467 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 15, 16 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959;

Căn cứ khoản 2 Điều 98 của Luật Đất đai;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 5 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Quyết định 1394/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 25/6/2015 về việc ban hành quy định về hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân và diện tích tách thửa đất ở.

Căn cứ vào Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Sửa Bản án sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng:

1.1. Giao quyền sử dụng 455m² đất được chia thừa kế theo luật và 284m² đất hiện vợ chồng ông Vũ Văn Th bà Nguyễn Thị L đang quản lý, sử dụng đã được cụ Vũ Văn Thoảng và cụ Nguyễn Thị Thuận cho từ trước năm 1988 cùng tài sản gắn liền với đất tại thửa 423 tờ bản đồ số 1 tại thôn A, xã B, huyện Kiến Thụy, thành

phổ Hải Phòng cho vợ chồng ông Vũ Văn Th quản lý, sử dụng (có trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo Bản án sơ thẩm).

Ông Vũ Văn Th và vợ là Nguyễn Thị L có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm hồ sơ quản lý địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.2. Buộc ông Vũ Văn Th cùng vợ là Nguyễn Thị L phải thanh toán cho bà Vũ Thị C, bà Vũ Thị Th, ông Vũ Văn H, bà Vũ Thị H và ông Vũ Văn T giá trị tài sản thừa kế được hưởng của mỗi người là 20.087.036 đồng (hai mươi triệu không trăm tám mươi bảy nghìn không trăm ba mươi sáu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2] Sửa lại án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Vũ Thị C được miễn nộp tiền án phí dân sự.

Bà Vũ Thị Th, ông Vũ Văn H, bà Vũ Thị Hoàn, mỗi người phải chịu 1.004.351đ (một triệu không trăm linh bốn nghìn ba trăm lăm mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Vũ Thị C, bà Vũ Thị Th, ông Vũ Văn H, bà Vũ Thị Hoàn đã nộp 7.500.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0006020 ngày 10/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Thụy. Trả lại Bà Vũ Thị C, bà Vũ Thị Th, ông Vũ Văn H, bà Vũ Thị H 4.486.947đ (bốn triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Vũ Văn Th và bà Nguyễn Thị L phải chịu 10.194.750đ (mười triệu một trăm chín mươi tư nghìn bảy trăm lăm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị C, bà Vũ Thị Th, ông Vũ Văn H, bà Vũ Thị Hoàn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho Bà Vũ Thị C, bà Vũ Thị Th, ông Vũ Văn H, bà Vũ Thị Hoàn mỗi người 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006195, 0006196, 0006197, 0006198 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Thụy.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thiệm Vũ Thị Thu Hà

Đặng Hồ Điệp

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện Kiến Thụy;
- Chi cục THADS huyện Kiến Thụy;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

